

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số 1820/UBND-KT

Về việc công khai thông tin
tài chính của DNNN và DN
có vốn nhà nước năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 10 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1730/STC-TCDN ngày 27/6/2018 về việc công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước năm 2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin tài chính của các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (www.kontum.gov.vn), thông tin công bố gồm các Phụ lục kèm theo.

- Sở Tài chính thực hiện công khai thông tin tài chính của các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

Thông báo để các đơn vị liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các DNNN, DN có vốn nhà nước thuộc tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5. au

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DNNN VÀ DN CÓ VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Kèm theo Văn bản số ~~1829~~ UBND-KT ngày ~~10~~ 7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Tổng vốn NN đầu tư	Vốn điều lệ của DN	Nguồn vốn Nhà nước đầu tư vào DN						Tình hình đầu tư vốn Nhà nước			
				NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ HTSXD N tại DN	Khác	Đầu tư trong năm báo cáo (*)	Đầu tư lũy kế	Còn phải đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	(13)=(3)-(12)	
I	Tình hình đầu tư vốn Nhà nước để thành lập DNNN												
II	Tình hình bổ sung vốn điều lệ đối với DNNN đang hoạt động												
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	39.298	52.812		32.590		6.708			352	7.601	31.697	
	Tổng cộng	39.298	52.812		32.590		6.708			352	7.601	31.697	
III	Tình hình đầu tư vốn Nhà nước để mua lại toàn bộ doanh nghiệp												
IV	Tổng cộng	39.298	52.812		32.590		6.708			352	7.601	31.697	

Thuyết minh:

(*) Năm 2017, Ngân sách tỉnh không bổ sung vốn điều lệ cho Công ty, số bổ sung vốn điều lệ 352 triệu đồng là nguồn Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty. *a*

Biểu số 06.B

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DNNN VÀ DN CÓ VỐN NHÀ NƯỚC DO UBND TỈNH LÀM CHỦ SỞ HỮU NĂM 2017

(Kèm theo Văn bản số 4820 UBND-KT ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản							Tổng nguồn vốn						Tỷ lệ sở hữu của nhà nước		
			Tổng số (Mã 270 CDKT)	Trong đó:						Tổng số (Mã 300 CDKT)	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CDKT)				
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CDKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CDKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CDKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CDKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CDKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CDKT)		Nợ phải thu khó đòi	Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CDKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CDKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CDKT + Mã 338 CDKT)	Năm trước			Năm báo cáo
I	DNNN		364.435	203.626	19.476	55.378	0	160.807	84.612	10.821	128.341	112.753	25.020	15.325	145.698	153.007		
1	Công ty TNHH MTV LN Đắk Glei	Lâm nghiệp	25.467	14.620	3.429	0	0	10.847	9.058	1.757	7.565	6.750	815	815	14.604	17.776	100%	100%
2	Công ty TNHH MTV LN Kon Rẫy	Lâm nghiệp	36.297	18.851	7.423	0	0	17.445	807		5.842	5.611	231	0	13.429	13.429	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV LN Kon Plông	Lâm nghiệp	71.686	37.632	1.604	0	0	34.053	25.772	8.323	33.768	31.079	2.689	1.825	21.325	24.429	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV LN Ngọc Hồi	Lâm nghiệp	13.056	10.099	934	3.000	0	2.957	4.011		3.031	2.961	70	70	8.065	8.452	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV LN Đắk Tô	Lâm nghiệp	102.410	28.373	5.183	0	0	74.037	22.173	741	39.847	26.976	12.871	12.615	20.627	21.121	100%	100%
6	Công ty TNHH MTV LN Sa Thầy	Lâm nghiệp	12.177	9.760	0	2.056	0	2.417	2.849		876	876	0		11.302	11.302	100%	100%

12

			Tổng tài sản		Tổng nguồn vốn													
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Trong đó:								Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CDKT)		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước		
			Tổng số (Mã 270 CDKT)	Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CDKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CDKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CDKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CDKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CDKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CDKT)	Nợ phải thu khó đòi	Tổng số (Mã 300 CDKT)	Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CDKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CDKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 CDKT + Mã 338 CDKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
	7	Công ty TNHH MTV LN Ia H'Drai	9.797	6.691	245	0	0	3.106	5.933		3.299	3.299	0	0	6.346	6.498	100%	100%
	8	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết	93.545	77.600	658	50.322	0	15.945	14.009		34.113	35.201	8.344	0	50.000	50.000	100%	100%
II		DN có vốn Nhà nước	23.541	16.441	498			7.100	13.492		7.359	7.346	13	14.994	16.812			
9	Công ty CP Môi trường Đô thị Kon Tum	Thu gom rác, duy tu sửa chữa các công trình công ích, chăm sóc cây xanh, quản lý vận hành điện công lộ	23.541	16.441	498			7.100	13.492		7.359	7.346	13	918	14.994	16.812	65,07%	65,07%
Tổng (I+II)			387.976	220.067	19.974	55.378	0	167.907	98.104		135.700	120.099	25.033	15.325	160.692	169.819		



Chu

Biểu số 06.C

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DNNN VÀ DN CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

DO UBND TỈNH LÀ CHỦ SỞ HỮU NĂM 2017

(Kèm theo Văn bản số UBND-KT ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (Mã 10+21+31 BCKQHĐKD)		Lợi nhuận trước thuế (Mã 50 BCKQHĐKD)		Lỗ		Phải nộp NSNN (Mã 313 CĐKT)		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành	
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lỗ phát sinh	Lỗ lũy kế	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư Năm trước Năm báo cáo
I	DNNN	335.132	336.945	25.941	32.977		2.979	11.195	15.142	113.156	88.391		
1	Công ty TNHH MTV LN Đắk Glei	11.858	8.399	732	614		1.821	561	152	2.120	785		
2	Công ty TNHH MTV LN Kon Rẫy	14.698	15.284	1.091	887		0	254	14	1.667	632		
3	Công ty TNHH MTV LN Kon Plông	30.290	43.490	1.902	5.711		80	4.596	5.821	4.009	7.960		
4	Công ty TNHH MTV LN Ngọc Hồi	350	3.545	44	27		1.078	1.028	744	318	771		
5	Công ty TNHH MTV LN Đắk Tô	47.473	42.171	2.383	2.030		0	546	1.620	11.510	5.812		
6	Công ty TNHH MTV LN Sa Thầy	2.356	4.662	15	22		0	11	4	321	17		
7	Công ty TNHH MTV LN IA H'Drai	5.768	6.729	298	230		0	476	498	8	82		
8	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết (*)	222.339	212.665	19.476	23.456		0	3.723	6.289	93.203	72.332		
II	DN có vốn Nhà nước	69.341	72.490	4.825	5.449			1.277	1.092	5.550	6.387		
9	Công ty CP Môi trường Đô thị Kon Tum	69.341	72.490	4.825	5.449			1.277	1.092	5.550	6.387		
Tổng cộng (I+II)		404.473	409.435	30.766	38.426	0	2.979	12.472	16.234	118.706	94.778		

Thuyết minh:

(*) Công ty đã nộp ngân sách chi tính cho thu từ hoạt động xổ số.